

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo (228205) - Nhóm

Môn học: **09**

CBGD: **Đào Thanh Tâm (280037)**

Số SV có mặt: 15.....

Số bài thi: 15.....

Số tờ giấy thi: 15.....

Cán bộ coi thi 1 <i>Đào Thanh Tâm</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Phạm Tấn Phát</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Đào Thanh Tâm</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Phạm Tấn Phát</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120200002	ĐOÀN HỮU BẮNG	30/10/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050107	ĐÀO VĂN CÔNG	22/04/2001	CCQ2005D			<i>Công</i>	8,0	8,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050108	NGUYỄN TRÚC DUY	05/07/2002	CCQ2005D			<i>Trúc</i>	8,0	7,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050110	PHẠM CÔNG HẬU	30/08/2002	CCQ2005D			<i>Hậu</i>	7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050136	NGÔ NGUYỄN HOÀNG HIỆP	28/01/2002	CCQ2005D			<i>Hiệp</i>	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119050042	LÊ KHẮC HOÀN	10/03/2001	CCQ1905B			<i>Khắc</i>	6,5	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050112	NGUYỄN THANH HOÀNG	03/12/2002	CCQ2005D			<i>Hoàng</i>	7,0	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050137	NGUYỄN HOÀNG HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	6,0	7,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050113	TẠ NGỌC HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050115	TRƯƠNG DUY KHÁNH	13/06/2002	CCQ2005D			<i>Khánh</i>	6,5	7,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050091	NGUYỄN NHẬT TIẾN	24/02/2002	CCQ2005C			<i>Tiến</i>	6,5	7,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050092	TRẦN QUỐC TOÀN	23/06/2001	CCQ2005C			<i>Toàn</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120120515	NGUYỄN QUỐC TRUNG	30/08/2002	CCQ2005C							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050105	NGUYỄN HOÀNG ANH TÚ	14/12/2002	CCQ2005C			<i>Tú</i>	6,0	6,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050095	PHAN NGỌC TÚ	12/03/2002	CCQ2005C			<i>Tú</i>	7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050096	ĐẠT ĐẠI HOÀNG VŨ	17/07/2002	CCQ2005C			<i>Vũ</i>	6,5	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9